TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HS-ST
Ngày 25-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu H

Ông Nguyễn Trọng H

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm T - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Vi Thanh T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 22 tháng 12 năm 1988 tại C, Phú Thọ; Nơi cư trú: khu T, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: V2 (đã chết), Con bà: Vi Thị T1, sinh năm 1964; Vợ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1995, hiện ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020; Gia đình bị cáo có 2 anh, em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ. Áp dụng biện pháp ngăn chặn"Cấm đi khỏi nơi cư trú" ngày 21/5/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984; vắng mặt.

Trú tại: Khu T, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Bùi Văn T3, sinh năm 1988; vắng mặt.

Trú tại: Khu C, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Lê Đức T4, sinh năm 1986; vắng mặt.

Trú tại: Khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Vũ Thế H, sinh năm 1995; có mặt.

Trú tại: Khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Vi Tất T5, sinh năm 1983; vắng mặt.

Trú tại: Khu T, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1989; vắng mặt.

Trú tại: Khu Q, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Bá V, sinh năm 1995; vắng mặt.

Trú tại: Khu T, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Đặng Văn N, sinh năm 1995; vắng mặt.

Trú tại: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Phạm Tiến G, sinh năm 1994; vắng mặt.

Trú tại: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Hà Văn K, sinh năm 1986; vắng mặt.

Trú tại: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1995; vắng mặt.

Trú tại: Khu X, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1995; vắng mặt.

Trú tại: Khu N, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Hà Văn T6, sinh năm 1983; vắng mặt.

Trú tại: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/3/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện C nhận được tin báo của Công an xã M, huyện C về việc: Qua nắm bắt tình hình địa bàn và thông tin từ quần chúng nhân dân, Công an xã M, huyện C phát hiện đối tượng Vi Thanh T, sinh năm 1988 ở khu Đ, xã M, huyện C có hành vi cho nhiều người trên địa bàn xã M, huyện C và một số địa bàn lân cận vay tiền với lãi suất cao.

Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã triệu tập T đến trụ sở Công an huyện C làm việc. Quá trình làm việc, T đã khai nhận hành vi cho vay lãi nặng của bản thân. Ngày 30/4/2024, T tự nguyện giao nộp 01 giấy phép lái xe hạng A1, số: 2501510112582 mang tên Phạm Hoàng L; 01 căn cước công dân số 025097001150 mang tên Phạm Hoàng L; 01 chứng minh nhân dân số 132086863 mang tên Nguyễn Bá V; 01 đăng ký xe mô tô số 153180, Biển kiểm soát: 36B5 – 15117 mang tên Lê Thị Q1; 01 đang ký xe mô tô số 005452, Biển kiểm soát: 29E1 – 14746 mang tên Phạm Minh V1. T khai nhận đây là giấy tờ của những người vay tiền để lại làm tin.

Quá trình điều tra xác định: Do thấy nhiều người dân trên địa bàn xã M,

huyện C và một số người dân ở các xã lân cận có nhu cầu vay tiền nên từ đầu năm 2022, Vi Thanh T đã cho mọi người vay tiền với lãi suất cao để thu lời bất chính, tiền lãi từ 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày đến 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày (cao gấp 7 lần đến 9 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự), hình thức vay tiền: Những người có nhu cầu vay tiền gặp trực tiếp T để vay, đối với những người quen, T có thể chuyển tiền vay đến số tài khoản của người vay. Hàng tháng những người vay tiền trả tiền lãi trực tiếp cho T hoặc chuyển khoản vào số tài khoản 538999999999 mở tại ngân hàng L1 mang tên Vi Thanh T. Vi Thanh T đã cho những người vay tiền cụ thể như sau:

1. Chị Trần Thị T7, sinh năm 1984, ở khu T, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

- Đầu năm 2022, chị T7 vay của T số tiền 10.000.000đ, chị T7 đã trả lãi cho T từ tháng 02/2022 đến tháng 9/2022 là 8 tháng, chị T7 đã trả tổng số tiền lãi cho T là 11.900.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/ năm theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.333.333đ, số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 10.566.667đ, đến tháng 9/2022 chị T7 tiếp tục vay của T số tiền 5.000.000đ, tổng số tiền chị T7 vay của T là 15.000.000đ, chị T7 trả tiền lãi cho T từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022 là 02 tháng tương ứng với số tiền là 2.750.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/ năm theo quy định của Bộ luật dân sự là 500.000đ, số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 2.250.000đ đến cuối tháng 11/2022, chị T7 đã trả gốc cho T 5.000.000đ, nợ lại 10.000.000đ, chị T7 tiếp tục trả lãi cho T từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2024, trong đó T lấy lãi của chị T7 8 tháng (chị T7 xin T tiền lãi 7 tháng) là 12.000.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/ năm theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.333.333đ, số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 10.666.667. Hiện nay, chị T7 đã trả hết tiền gốc cho T.

Đối với khoản vay trên, bị cáo thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng nhưng khoản vay này chưa hết thời hiệu xử lý hành chính nên đủ căn cứ xử lý hình sự

2. Anh Bùi Văn T3, sinh năm 1988, trú tại: khu C, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày:

- Khoảng tháng 2/2023, T3 vay của T số tiền 10.000.000đ đồng. Đến ngày 25/3/2023, anh T3 đã trả cho T tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi 1 tháng là 1.200.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 166.667đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 1.033.333đ.

Đối với khoản vay trên, T3 trả lãi và gốc đến 25/3/2023, số tiền trả lãi cho bị cáo và bị cáo thu lời bất chính dưới 30.000.000 đồng. Đến ngày 26/3/2024, hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo bị phát hiện thì đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý

- Tháng 5/2023, T3 vay của T số tiền 5.000.000đ đồng. T3 đã trả lãi cho T từ tháng 6/2023 đến tháng 8/2023 là 03 tháng tiền lãi tương ứng với số tiền 1.700.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là:

250.000đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 1.450.000đ.

- Tháng 9/2023, T3 vay của T số tiền 5.000.000đ đồng. T3 đã trả lãi cho T từ tháng 10/2023 đến tháng 02/2024 là 05 tháng tiền lãi tương ứng với số tiền 2.900.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 416.667đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 2.483.333đ.

Như vậy, T3 đã trả tổng số tiền lãi cho bị cáo là 4.600.000đ, trong đó số tiền thu lời bất chính là 3.933.333đ. Toàn bộ tiền gốc T3 đã trả cho T.

Đối với các khoản vay, bị cáo thu lời bất chính dưới 30.000.000 đồng nhưng khoản vay này chưa hết thời hiệu xử lý hành chính nên đủ căn cứ xử lý hình sự.

3. Anh Lê Đức T4, sinh năm 1986 trú tại: khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

- Lần1: Khoảng tháng 6/2022 T4 vay T số tiền 10.000.000đ. T4 đã trả lãi cho T từ 7/2022 đến tháng 9/2022 là 3 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 4.500.000đ trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 500.000đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 4.000.000đ. Đến tháng 10/2022, T4 trả cho T3 5.000.000đ tiền gốc, số tiền còn lại 5.000.000đ Thọ nợ lại, T4 tiếp tục trả lãi cho T số tiền vay 5.000.000đ từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, là 3 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 2.100.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 250.000đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 1.850.000đ. Số tiền gốc 10.000.000đ T4 đã trả cho T.

Đối với khoản vay trên, T4 trả lãi từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022, số tiền trả lãi cho bị cáo và bị cáo thu lời bất chính dưới 30.000.000 đồng. Đến ngày 26/3/2024, hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo bị phát hiện thì đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý

Lần 2: Khoảng tháng 3/2023, T4 vay T số tiền 20.000.000đ. T4 đã trả lãi cho tiền lãi T từ 4/2023 đến tháng 6/2023 là 3 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 9.000.000đ trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 1.000.000đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 8.000.000đ. Số tiền gốc 20.000.000đ T4 đã trả cho T.

Lần 3: Khoảng đầu 9/2023, T4 vay T số tiền 4.000.000đ. T4 đã trả lãi cho tiền lãi T từ 10/2023 đến tháng 01/2024 là 4 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 2.2.000.000đ trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 266.667đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 1.933.333đ. Đến tháng 02/2024, T4 tiếp tục hỏi vay T thêm 6.000.000đ, tổng T4 vay T 10.000.000đ, T4 trả lãi cho T từ 02/2024 đến tháng 03/2024 là 01 tháng tiền lãi, tương ứng số tiền 1.500.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 166.667đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 1.333.333đ. Hiện T4 còn nợ tiền gốc là 10.000.000 đồng.

Đối với 02 khoản vay trên, mặc dù số tiền thu lời bất chính của bị cáo dưới 30.000.000 đồng nhưng do chưa hết thời hiệu xử lý hành chính nên vẫn đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự đối với bị cáo.

Như vậy, T4 đã trả tổng tiền lãi cho bị cáo đối với 02 khoản vay đủ căn cứ xử lý hình sự là 12.700.000 đồng, trong đó bị cáo thu lời bất chính số tiền là 11.266.666đ.

4. Anh Vũ Thế H, sinh năm 1995 ở khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 02/2023, H vay T số tiền 20.000.000đ. H đã trả lãi cho tiền lãi T từ 02/2023 đến tháng 02/2024 là 13 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 39.000.000đ trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 4.333.333đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 34.666.667đ. Đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với bị cáo. Số tiền gốc 20.000.000đ H chưa trả cho T.

5. Anh Vi Tất T5, sinh năm 1983 ở khu T, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 04/2023, T5 vay T số tiền 5.000.000đ. T5 đã trả lãi cho tiền lãi T từ 05/2023 đến tháng 02/2024 là 10 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 6.000.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 833.333đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 5.166.667đ. Số tiền gốc 5.000.000đ T5 chưa trả cho T.

Đối với khoản vay trên, số tiền thu lời bất chính của bị cáo mặc dù dưới 30.000.000 đồng, do chưa hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên vẫn đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự.

6. Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1989 ở khu Q, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

- Khoảng tháng 01/2022, P vay T số tiền 10.000.000đ. P đã trả lãi cho T từ 01/2022 đến tháng 03/2022 là 03 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 4.500.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 500.000đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 4.000.000đ. Số tiền gốc 10.000.000đ P đã trả cho T.

- Khoảng tháng 01/2023, P vay T số tiền 10.000.000đ. P đã trả lãi cho T từ 01/2023 đến tháng 02/2023 là 01 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 1.500.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 166.667đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 1.333.333đ. Số tiền gốc 10.000.000đ P đã trả cho T

Đối với các khoản vay trên của P, số tiền thu lời bất chính của bị cáo đều dưới 30.000.000 đồng và đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý hình sự đối với bị cáo.

- Khoảng tháng 03/2023, P vay T số tiền 5.000.000đ. P đã trả lãi cho T từ 03/2023 đến tháng 04/2023 là 02 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 2.000.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 166.667đ; số

tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 1.833.333đ. Số tiền gốc 5.000.000đ P đã trả cho T.

Đối với khoản vay trên, số tiền thu lời bất chính của bị cáo mặc dù dưới 30.000.000 đồng, do chưa hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên vẫn đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự.

7. Anh Nguyễn Bá V, sinh năm 1995 ở khu T, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

- Khoảng tháng 12/2022, V vay T số tiền 15.000.000đ. Vững đã trả lãi cho T từ 12/2022 đến tháng 18/03/2023 là 04 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 9.000.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 1.000.000đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 8.000.000đ. Số tiền gốc 15.000.000đ V đã trả cho T.

Đối với khoản vay trên của V, từ ngày 12/2022 đến ngày 18/3/2023 số tiền thu lời bất chính của bị cáo dưới 30.000.000 đồng và hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý hình sự đối với bị cáo.

- Khoảng tháng 04/2023, V vay T số tiền 15.000.000đ. Vững đã trả lãi cho T từ 04/2023 đến tháng 12/2023 là 09 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 20.250.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 2.250.000đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 18.000.000đ. Số tiền gốc 15.000.000đ V đã trả cho T

- Khoảng tháng 02/2024, V vay T số tiền 5.000.000đ. Tháng 03/2024, V đã trả lãi cho T là 01 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 750.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 83.333đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 666.667đ. Số tiền gốc 5.000.000đ Vững chưa trả cho T.

Khi vay tiền, T yêu cầu V để lại đăng ký xe mô tô biển kiểm soát: 36B5 – 15117 và chứng minh thư mang tên Nguyễn Bá V.

Đối các với khoản vay trên, số tiền thu lời bất chính của bị cáo mặc dù dưới 30.000.000 đồng, do chưa hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên vẫn đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự.

8. Anh Đặng Văn N, sinh năm 1995 ở khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

- Khoảng tháng 01/2022, N vay T số tiền 10.000.000đ. Nghiêm đã trả lãi cho T từ 02/2022 đến tháng 03/2022 là 02 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 3.000.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 333.333đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 2.666.667đ. Số tiền gốc 10.000.000đ N đã trả cho T.

Đối với khoản vay trên của N, số tiền lãi N trả đến tháng 03/2022 số tiền thu lời bất chính của bị cáo dưới 30.000.000 đồng và hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý hình sự đối với bị cáo.

- Khoảng tháng 12/2022, N vay T số tiền 15.000.000đ. Nghiêm đã trả lãi cho T từ 01/2023 đến tháng 02/2024 là 14 tháng tiền lãi tương ứng số tiền

28.300.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 3.500.000đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 24.800.000đ. Số tiền gốc 15.000.000đ N chưa trả cho T.

Khi vay tiền, T yêu cầu N để lại đăng ký xe mô tô biển kiểm soát: 29E1 – 14746.

Đối các với khoản vay trên, số tiền thu lời bất chính của bị cáo mặc dù dưới 30.000.000 đồng, do chưa hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên vẫn đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự.

9. Anh Phạm Tiến G, sinh năm 1994 ở khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

- Khoảng tháng 08/2022, G vay T số tiền 5.000.000đ. Giáp đã trả lãi cho T từ 09/2022 đến tháng 10/2022 là 02 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 1.500.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 166.667đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 1.333.333đ. Số tiền gốc 5.000.000đ G đã trả cho T.

Đối với khoản vay trên của G, từ tháng 09/2022 đến tháng 10/2022 số tiền thu lời bất chính của bị cáo dưới 30.000.000 đồng và hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý hình sự đối với bị cáo.

- Khoảng tháng 11/2022, G vay T số tiền 5.000.000đ. Giáp đã trả lãi cho T từ 12/2022 đến tháng 10/2023 là 11 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 6.650.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 916.667; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 5.733.333đ. Số tiền gốc 5.000.000đ G đã trả cho T.

Đối các với khoản vay trên, số tiền thu lời bất chính của bị cáo mặc dù dưới 30.000.000 đồng, do chưa hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên vẫn đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự.

10. Anh Hà Văn K, sinh năm 1986 ở khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

- Khoảng tháng 05/2022, K vay T số tiền 10.000.000đ. K đã trả lãi cho T từ 06/2022 đến tháng 08/2022 là 03 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 4.500.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 500.000đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 4.000.000đ. Số tiền gốc 10.000.000đ K đã trả cho T.

Đối với khoản vay trên của K, từ tháng 06/2022 đến tháng 08/2022 số tiền thu lời bất chính của bị cáo dưới 30.000.000 đồng và hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý hình sự đối với bị cáo.

- Khoảng tháng 10/2023, K vay T số tiền 10.000.000đ. Đến đầu tháng 11/2023 là K đã trả lãi cho T 01 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 1.500.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 166.667đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 1.333.333đ. Số tiền gốc 10.000.000đ K đã trả cho T.

- Đến khoảng cuối tháng 11/2023, K vay T số tiền 10.000.000đ. Đến tháng

12/2023, K đã trả lãi cho T 01 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 1.500.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 166.667đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 1.333.333đ. Số tiền gốc 10.000.000đ K đã trả cho T.

- Đến khoảng cuối tháng 12/2023, K vay T số tiền 10.000.000đ. Đến tháng 01/2024, K đã trả lãi cho 01 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 1.500.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 166.667đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 1.333.333đ. Số tiền gốc 10.000.000đ K đã trả cho T.

Đối các với các khoản vay trên, số tiền thu lời bất chính của bị cáo mặc dù dưới 30.000.000 đồng, do chưa hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên vẫn đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự.

11. Anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1995 ở khu X, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

- Khoảng tháng 05/2023, L vay T số tiền 5.000.000đ. L đã trả lãi cho T từ 06/2023 đến tháng 01/2024 là 8 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 6.000.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 666.667đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 5.333.333đ. Khi vay tiền, T yêu cầu L để lại 01 giấy phép lái xe hạng A1, số: 2501510112582 mang tên Phạm Hoàng L; 01 căn cước công dân số 025097001150 mang tên Phạm Hoàng L. Số tiền gốc 5.000.000đ L đã trả cho T.

Đối các với khoản vay trên, số tiền thu lời bất chính của bị cáo mặc dù dưới 30.000.000 đồng, do chưa hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên vẫn đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự.

12. Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1995 ở khu N, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

- Khoảng tháng 09/2022, C vay T số tiền 5.000.000đ. Tháng 09/2022, C đã trả lãi cho T 01 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 600.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 83.333đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 516.667đ. Số tiền gốc 5.000.000đ C đã trả cho T.

Đối với khoản vay trên của C, từ tháng 09/2022 đến tháng 10/2022 số tiền thu lời bất chính của bị cáo dưới 30.000.000 đồng và hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý hình sự đối với bị cáo.

- Khoảng tháng 10/2023, C vay T số tiền 10.000.000đ. C đã trả lãi cho T từ 10/2023 đến tháng 11/2023 là 02 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 3.000.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 333.333đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 2.666.667đ. Đến cuối tháng 11/2023, C tiếp tục vay của T số tiền 5.000.000đ, tổng số tiền C vay của T là 15.000.000đ. Tháng 12/2023, C đã trả cho T 01 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 2.250.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 250.000đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 2.000.000đ. Số tiền gốc 15.000.000đ C đã

trả cho T.

Đối các với khoản vay trên, số tiền thu lời bất chính của bị cáo mặc dù dưới 30.000.000 đồng, do chưa hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên vẫn đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự.

13. Anh Hà Văn T6, sinh năm 1983 ở khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền lãi suất vay là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cụ thể:

- Khoảng tháng 01/2022, T6 vay T số tiền 15.000.000đ. T6 đã trả lãi cho tiền lãi T từ 01/2022 đến tháng 02/2024 là 22 tháng tiền lãi (T6 xin T 02 tháng tiền lãi) tương ứng số tiền 48.100.000đ, trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 5.500.000đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 42.600.000đ. Đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với bị cáo. Số tiền gốc 15.000.000đ T6 chưa trả cho T.

Bị cáo đã cho 13 người vay tiền nêu trên với tổng số tiền là 275.000.000 đ, tổng số tiền lãi đã thu được là 243.150.000đ. Số tiền gốc đã thu lại được là 275.000.000 đ, trong đó số tiền lãi thu lời bất chính là 214.883.332.

Tuy nhiên, căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nêu trên thì bị cáo phải chịu xử lý hình sự đối với các khoản cho người vay tiền đủ lượng hoặc không đủ định lượng nhưng còn thời hiệu xử lý hành chính với tổng số tiền cho vay là 190.000.000đ, tổng tiền lãi thu được là 210.750.000đ, tiền thu lời bất chính là 186.149.999đ.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như đã nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 68/CT-VKSCK ngày 28/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố Vi Thanh T về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Thanh T khai nhận: Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng tuy tố bị cáo là đúng. Trước khi xét xử anh Vũ Thế H đã trả số tiền gốc đã vay của bị cáo là 20.000.000đồng; anh Vi Tất T5 đã trả số tiền gốc đã vay của bị cáo là 5.000.000đồng; anh Nguyễn Bá V đã trả số tiền gốc đã vay của bị cáo là 5.000.000đồng; anh Đặng Văn N đã trả số tiền gốc đã vay của bị cáo là 15.000.000đồng; anh Hà Văn T6 đã trả số tiền gốc đã vay của bị cáo là 5.000.000đồng; anh Lê Đức T4 đã trả số tiền gốc đã vay của bị cáo là 10.000.000đồng. Bị cáo có nghĩa vụ phải trả cho anh Đặng Văn N số tiền 24.800.000đồng số tiền thu lời bất chính do anh N đã trả cho bị cáo và trả cho anh Vũ Thế H số tiền 34.666.667đồng là số tiền thu lời bất chính.

Tại phiên tòa anh Vũ Thế H trình bày: Khoảng tháng 02/2023, anh vay T số tiền 20.000.000đ. Anh đã trả lãi cho tiền lãi T từ 02/2023 đến tháng 02/2024 là 13 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 39.000.000đ trong đó: số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của BLDS là: 4.333.333đ; số tiền lãi vượt quá 20%/năm

đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 34.666.667đ. Số tiền gốc 20.000.000đ anh đã trả cho bị cáo T. Anh đề nghị bị cáo T phải trả cho anh số tiền 34.666.667đồng – làm tròn 34.666.000đồng là số tiền thu lời bất chính và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Vi Thanh T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; Khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Thanh T từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 30 (Ba mươi) đến 36 (Ba mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Vi Thanh T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Vi Thanh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 và điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Vi Thanh T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Vi Thanh T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung 30.000.000 đồng đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Về biện pháp tư pháp:* Truy thu để nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Vi Thanh T số tiền gốc dùng vào việc phạm tội là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Truy thu để nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Vi Thanh T số tiền lãi là 151.284.000đ (Một trăm năm mươi mốt triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng) của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo: Trong đó là 24.600.001 đồng (Hai mươi tư triệu sáu trăm nghìn không trăm linh một đồng) là số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự và 126.683.999đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm chín mươi chín đồng) là số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính).

Buộc bị cáo T có nghĩa vụ trả cho anh Vũ Thế H số tiền 34.666.000đồng; anh Đặng Văn N số tiền 24.800.000đồng.

Xác nhận bị cáo T đã tự nguyện nộp 100.000.000đồng tại biên lai thu tiền số 0004069 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê.

- *Về xử lý vật chứng:* Trả lại cho Phạm Hoàng L: 01 giấy phép lái xe hạng A1, số: 2501510112582 mang tên Phạm Hoàng L và 01 căn cước công dân số 025097001150 mang tên Phạm Hoàng L; Trả lại cho anh Nguyễn Bá V: 01 chứng minh nhân dân số 132086863 mang tên Nguyễn Bá V; 01 đăng ký xe mô tô số 153180, Biển kiểm soát: 36B5 – 15117 mang tên Lê Thị Q1; Trả lại cho anh Đặng Văn N: 01 đăng ký xe mô tô số 005452, Biển kiểm soát: 29E1 – 14746 mang tên Phạm Minh V1.

(Theo biên bản giao, nhận, đồ vật, tài liệu, vật chứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ ngày 11/10/2024).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra huyện C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:*

Trong thời gian từ đầu năm 2022 đến tháng 03/2024, Vi Thanh T đã cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự kiếm lời. Bị cáo đã cho T7, T3, T4, H, T5, P, N, G, K, L, C, T6, V vay tổng số tiền là 190.000.000đ, với lãi suất từ 4.000đ đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày, cao gấp từ 7 đến 9 lần so với mức lãi suất cao nhất theo Bộ luật dân sự quy định. Tính đến thời điểm ngày 26/3/2024, những người trên đã trả cho bị cáo tổng số tiền lãi là 210.750.000đồng. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) là 24.600.001đồng; Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay là 186.149.999đồng. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội, bị cáo không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vi Thanh T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*

như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201 Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000đ trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."

[3]. *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Hành vi bị cáo đã thực hiện đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lũng loạn chính sách tín dụng của Nhà nước và xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, hoạt động tín dụng đen đang bùng phát, làm rối loạn trong thị trường tài chính, gây mất ổn định xã hội và tạo ra những hậu quả khó lường cho người vay lẫn người cho vay. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm khác. Vì vậy đấu tranh với tội phạm này là rất cần thiết, cần đưa ra xét xử nghiêm trước pháp luật. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Song trước khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Xét về nguyên nhân, động cơ, điều kiện phạm tội: Bị cáo là người có trình độ hiểu biết xã hội và pháp luật nhất định nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần tuy nhiên những lần phạm tội của bị cáo đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê để khắc phục hậu quả cho anh Vũ Thế H, anh Đặng Văn N và tại phiên tòa anh Vũ Thế H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra trước lần phạm tội này, bị cáo đều chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Bị cáo có ông nội là liệt sĩ được tặng bằng Tổ quốc ghi công.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là phù hợp.

Với mức hình phạt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê là phù hợp, mức án đó cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

[4] *Về hình phạt bổ sung:* Tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*. Trong vụ án này bị cáo phạm tội có thu lời bất chính, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung số tiền 30.000.000đồng để nộp ngân sách là phù hợp.

[5] *Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và các vấn đề khác:*

Đối với số tiền gốc là 235.000.000đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) bị cáo dùng để cho vay lãi nặng, đây là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, hiện nay những những người vay đã trả tiền gốc cho bị cáo, do đó cần truy thu của bị cáo toàn bộ số tiền này để thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017, V3 đã thu của Trần Thị T7, Bùi Văn T3, Lê Đức T4, Vũ Thế H, Vi Tất T5, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Bá V, Đặng Văn N, Phạm Tiến G, Hà Văn K, Phạm Hoàng L, Nguyễn Hữu C, Hà Văn T6 đã trả cho bị cáo Vi Thanh T là 24.600.101 đồng. Xác định đây không phải là khoản tiền tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần truy thu của bị cáo toàn bộ để thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay bị cáo Vi Thanh Thanh T đã thu của Trần Thị T7, Bùi Văn T3, Lê Đức T4, Vũ Thế H, Vi Tất T5, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Bá V, Đặng Văn N, Phạm Tiến G, Hà Văn K, Phạm Hoàng L, Nguyễn Hữu C, Hà Văn T6 đã trả cho bị cáo Vi Thanh T là 186.149.999đ (Một trăm tám mươi sáu triệu một trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng). Đối với anh Vũ Thế H đề nghị bị cáo T phải trả số tiền 34.666.000đồng, anh Đặng Văn N đề nghị bị cáo T phải trả số tiền 24.800.000đồng là số tiền lãi vượt quá 20%/năm nên cần buộc bị cáo T phải trả cho anh H, anh N. Số tiền còn lại là 126.683.999 đồng do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Thị T7, Bùi Văn T3, Lê Đức T4, Vi T, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Bá V, Phạm Tiến G, Hà Văn K, Phạm Hoàng L, Nguyễn Hữu C, Hà Văn T6 không yêu cầu bị cáo trả lại nên cần truy thu của bị cáo T để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 100.000.000đồng do bị cáo tự nguyện nộp tại biên lai thu tiền số 0004069 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê để trả cho anh Vũ Thế H, anh Đặng Văn N số tiền lãi vượt quá 20%/năm; Số tiền còn lại là do các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đề nghị nhận lại nên cần phải nộp Ngân sách nhà nước là phù hợp cần xác nhận.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1, số: 2501510112582 mang tên Phạm Hoàng L và 01 căn cước công dân số 025097001150 mang tên Phạm Hoàng L cần trả lại cho Phạm Hoàng L; 01 chứng minh nhân dân số 132086863 mang tên Nguyễn Bá V; 01 đăng ký xe mô tô số 153180, Biển kiểm soát: 36B5 – 15117

mang tên Lê Thị Q1 cho anh Nguyễn Bá V; 01 đăng ký xe mô tô số 005452, Biển kiểm soát: 29E1 – 14746 mang tên Phạm Minh V1 cho anh Đặng Văn N là phù hợp.

(Theo biên bản giao, nhận, đồ vật, tài liệu, vật chứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ ngày 11/10/2024).

[6]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Căn cứ khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Vi Thanh T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 201; Khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điểm b, s khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Thanh T 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Vi Thanh T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Vi Thanh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 và điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Vi Thanh T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Vi Thanh T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Về biện pháp tư pháp:* Truy thu để nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Vi Thanh T số tiền gốc dùng vào việc phạm tội là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Truy thu để nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Vi Thanh T số tiền lãi là 151.284.000đ (Một trăm năm mươi mốt triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng) của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo: Trong đó là 24.600.001 đồng (Hai mươi tư triệu sáu trăm nghìn không trăm linh một đồng) là số tiền lãi dưới 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự và 126.683.999đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm chín mươi chín đồng) là số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính).

Buộc bị cáo T có nghĩa vụ trả cho anh Vũ Thế H số tiền 34.666.000đồng;

anh Đặng Văn N số tiền 24.800.000đồng.

Xác nhận bị cáo T đã tự nguyện nộp 100.000.000đồng tại biên lai thu tiền số 0004069 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê.

- *Về xử lý vật chứng:* Trả lại cho Phạm Hoàng L: 01 giấy phép lái xe hạng A1, số: 2501510112582 mang tên Phạm Hoàng L và 01 căn cước công dân số 025097001150 mang tên Phạm Hoàng L; anh Nguyễn Bá V: 01 chứng minh nhân dân số 132086863 mang tên Nguyễn Bá V; 01 đăng ký xe mô tô số 153180, Biển kiểm soát: 36B5 – 15117 mang tên Lê Thị Q1; cho anh Đặng Văn N: 01 đăng ký xe mô tô số 005452, Biển kiểm soát: 29E1 – 14746 mang tên Phạm Minh V1.

(Theo biên bản giao, nhận, đồ vật, tài liệu, vật chứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ ngày 11/10/2024).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Cẩm Khê;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã M;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS+VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt D